

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2017/HNGĐ-ST

Ngày 08/12/2017.

“V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Phương.

2. Ông Nguyễn Đình Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/11/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B, sinh năm: 1990; địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Quang K, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/9/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

Chị Lê Thị B và anh Hoàng Quang K tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một tuần thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi đi đến kết hôn vợ chồng tìm hiểu nhau chưa nhiều nên khi về sống chung tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống từ đó thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 01 năm 2017 đến nay, chị và anh K sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Chị Lê Thị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện Tòa án yêu cầu ly hôn anh Hoàng Quang K.

Anh Hoàng Quang K trình bày: Anh K thừa nhận việc quen biết và thời điểm kết hôn như chị Lê Thị B trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh K là do tính tình không hợp nhau nên giữa hai người thường có lời qua tiếng lại với nhau và chửi mắng, xúc phạm nhau. Vì vậy, sau khi kết hôn khoảng hai tuần chị B bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cuộc sống ai người đó tự lo liệu, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị B trở về và khởi kiện xin ly hôn anh K, anh K không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Chị Lê Thị B, anh Hoàng Quang K đều trình bày vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị B, anh Hoàng Quang K đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị B đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy chứng minh nhân dân chị Lê Thị B; Bản sao sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Trần Thị H; Đơn xin xác nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần về quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh K nhưng chị B yêu cầu được ly hôn, anh K không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2017, Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Hoàng Quang K vắng mặt lần thứ nhất. Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 08/12/2017; đồng thời thực hiện tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh K theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh K tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với nguyên đơn, sau khi hoãn phiên tòa ngày 30/11/2017, chị Lê Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 08/12/2017 và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lê Thị B chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B về việc xin ly hôn anh Hoàng Quang K, chị Lê Thị B được ly hôn với anh Hoàng Quang K. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xử buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với việc xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị B; bị đơn anh Hoàng Quang K, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị B, anh K. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều có mặt trong các buổi làm việc, hòa giải. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 30/11/2017 chị B có mặt, anh K vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và thực hiện việc tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh K theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay (ngày 08/12/2017) nguyên đơn chị Lê Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Quang K vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Hoàng Quang K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2016, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị B, anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống hai người thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 01 năm 2017 đến nay hai người sống ly thân, cuộc sống ai người đó tự lo liệu, không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Do vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[2.2]. Về con chung: Chị Lê Thị B và anh Hoàng Quang K không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị B và anh Hoàng Quang K không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị B. Chị Lê Thị B được ly hôn anh Hoàng Quang K; không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của anh Hoàng Quang K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001667 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị B đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Sang